

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BẢO CẢO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

BẢN SAO



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	
BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 8
BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHỖ	12 - 22

TRANG

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14 (gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ut	Thành viên
Bà Huỳnh Thủy Linh	Thành viên
Ông Trần Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Thanh Phong	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Ut	Giám đốc
Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trương Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát
Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Huỳnh Thủy Linh	Kế toán trưởng
--------------------	----------------

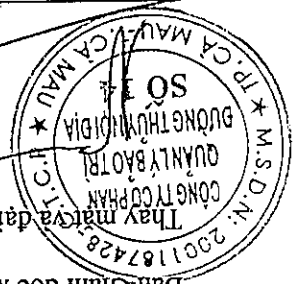
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

NGUYỄN VĂN UT

Giám đốc

Ngày ... tháng ... năm 2022

Số: 157/HĐKT2021

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/02/2022, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán mức kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Ý kiến của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi vấn đề sau:

Theo Quyết định số 2532/CĐTNĐ – TC ngày 28/11/2016 của Cục đường thủy Nội địa Việt Nam về việc tất toán khối lượng quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014, Do điều chỉnh chỉ phí tiền lương khi lập giá sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa, nên Cục đường thủy Nội địa Việt Nam quyết định không chấp thuận tiếp tục thanh toán kinh phí quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014 cho Công ty với giá trị 613.341.000 VND. Giá trị điều chỉnh giảm khoản phải thu này Công ty chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2021.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

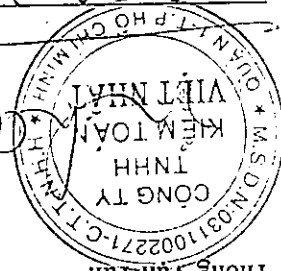
X kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Như thuyết minh mục 6 – Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản chi phí thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa với giá trị 414.089.967 VND. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho đơn vị do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Giá trị điều chỉnh giảm khoản phải thu này Công ty chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2021.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề lưu ý

Theo Quyết định số 98/CCBT – TCTK ngày 19/01/2017 của Chi cục Đường thủy Nội địa phía Nam (thuộc Cục đường thủy nội địa Việt Nam) về việc thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước kinh phí giám trị, Công ty phải nộp bổ sung do điều chỉnh giảm số kinh phí khi quyết toán nguồn sự nghiệp đường thủy nội địa với số tiền là 149.520.000 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận giá trị này trong báo cáo tài chính cũng như chưa nộp trong năm 2021 do chưa có quyết định thu hồi chính thức từ Bộ Giao



(Signature)

NGUYỄN NHẬN BẢO

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0413-2018-088-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẬT

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TRẦN KHÁNH TRÚC

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3881-2018-088-1

(Signature)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, Khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN		Đơn vị: VND			
Số dư đầu năm		Số dư cuối năm			
Mã số	Thuyết minh				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN					
100	10.833.222.344	4	943.512.073	1.485.189.795	7.606.594.560
110	943.512.073				1.485.189.795
111	943.512.073				1.485.189.795
112	-				-
120	-				-
121	-				-
122	-				-
123	-				-
130	8.790.535.553	5	8.261.585.586	5.215.327.275	5.794.418.242
131	8.261.585.586				5.215.327.275
132	-				-
133	-				-
134	-				-
135	-				-
136	528.949.967	6	528.949.967	579.090.967	579.090.967
137	-				-
139	-				-
140	1.085.149.538	7	1.085.149.538	326.790.072	326.790.072
141	1.085.149.538				326.790.072
149	-				-
150	14.025.180				196.451
151	-				-
152	-				-
153	14.025.180				196.451
154	-				-
155	-				-
IV. Hàng tồn kho					
1. Hàng tồn kho					
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho					
V. Tài sản ngắn hạn khác					
1. Chi phí trả trước ngắn hạn					
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ					
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ					
5. Tài sản ngắn hạn khác					

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tái ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND
 Số dư đầu năm

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.497.236.855	3.874.250.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		613.341.000	613.341.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	697.276.236	697.276.236
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	5	(83.935.236)	(83.935.236)
II. Tài sản cố định	220	9	2.681.549.038	3.176.925.149
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.681.549.038	3.176.925.149
- Nguyên giá	222		9.183.809.127	8.479.979.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.502.260.089)	(5.303.054.710)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		202.346.817	83.984.847
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	202.346.817	83.984.847
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.330.459.199	11.480.845.556

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ BƯỞNG THUY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

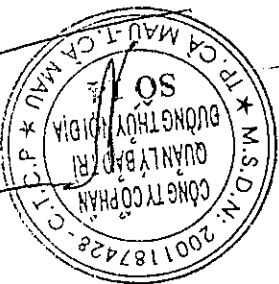
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN		Đơn vị: VND	
Số dư đầu năm		Số dư cuối năm	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
C. NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn			
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.746.116.447
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	772.251.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	889.020.924
4. Phải trả người lao động	314		906.147.543
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	412.396.001
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	1.150.968.306
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.482.365
II. Nợ dài hạn			
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-
Số dư cuối năm			
Số dư đầu năm			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.448.075.687	8.192.687.409
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	8.448.075.687	8.192.687.409
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thành dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		188.620.590	143.487.785
1.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.115.825.097	905.569.624
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.913.525	2.913.525
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		1.112.911.572	902.656.099
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.330.459.199	11.480.845.556
(440 = 300 + 400)				



Handwritten signature

Handwritten signature

NGUYỄN VĂN KHUẤT
Kế toán trưởng
NGUYỄN VĂN ỨT
Giám đốc

Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU
Mã số
Thuyết minh
Năm nay
Năm trước

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	24.783.687.085	20.248.662.164	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	24.783.687.085	20.248.662.164	-
4. Giá vốn hàng bán	11	17	17.836.103.283	13.807.702.711	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.947.583.802	6.440.959.453	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	47.940.003	29.662.236	-
7. Chi phí tài chính	22	19	14.413.502	19.698.145	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.413.502	19.698.145	-
8. Chi phí bán hàng	25		19.800.000	23.184.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.564.417.521	5.375.973.377	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.396.892.782	1.051.766.167	-
11. Thu nhập khác	31		-	16.500.000	-
12. Chi phí khác	32	21	3.072.654	15.893.726	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.072.654)	606.274	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.393.820.128	1.052.372.441	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	280.908.556	149.716.342	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.112.911.572	902.656.099	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.557.91	1.263,58	-



HUYỀN THUY LINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN UT
Giám đốc

NGUYỄN VĂN KHIẾT

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ BƯỞNG THUY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, nhóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lãi)/Lợi nhuận trước thuế	01		1.393.820.128	1.052.372.441
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.199.205.379	1.221.423.871
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.940.003)	(29.662.236)
Chi phí lãi vay	06		14.413.502	19.698.145
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.559.499.006	2.263.832.221
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(3.009.946.040)	(1.032.896.471)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(758.359.466)	717.172.174
(Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.450.680.910	444.669.695
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(118.361.970)	104.309.306
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.413.502)	(19.698.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(288.702.532)	(185.789.104)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(225.293.900)	(180.852.600)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(404.897.494)	2.110.747.076
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(703.829.268)	(1.289.547.893)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.940.003	29.662.236
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(655.889.265)	(1.259.885.657)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Mẫu số B 03-DN Đơn vị: VND				

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.054.739.668	2.225.466.705	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.903.771.362)	(2.225.466.705)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(631.859.269)	(500.054.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	519.109.037	(500.054.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm	50	(541.677.722)	350.807.319	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm	60	1.485.189.795	1.134.382.476	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm (70=50+60+61)	70	943.512.073	1.485.189.795	-



Handwritten signature

Handwritten signature

NGUYỄN VĂN KHIEP

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

HUYỀN THUY LINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN UT

Giám đốc

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Đoàn Quản lý Đường thủy Nội địa số 14 theo Quyết định số 4575/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm giữ 51% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2001187428 ngày 06/04/2015 và thay đổi lần 1 ngày 11/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 71 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ. Hoạt động chính cụ thể như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất, lắp đặt bảo hiệu đường thủy nội địa. Đông tàu và cầu kiện nội địa.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện thủy, vận chuyển vật, thiết bị đường thủy nội địa.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; Rà quét, thanh thải vật chướng ngại trên đường thủy nội địa.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán sơn.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán đèn báo hiệu đường thủy, băng năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không qua 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Bắc Liêu
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Cà Mau
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Hồng Dân
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Gành Hào
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Nam Căn
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Sông Đốc
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Thới Bình
- Tràm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Xẻo Rô
- Đội cơ khí xây dựng công trình

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BẢO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÔM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã qua hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 – 12 năm

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc có phân hóa doanh nghiệp. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lại, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua (có thể xuất hoặc chưa xuất hóa đơn theo quy định của Luật thuế);
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu ghi nhận trong báo cáo tài chính hoàn toàn căn cứ vào sự thỏa các điều kiện nêu trên. Sự chênh lệch giữa doanh thu báo cáo tài chính và doanh thu thuế hoàn toàn là do sự khác biệt giữa quy định của chế độ tài kế toán và theo quy định hiện hành của Luật thuế.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
62.444.776	350.320.269
881.067.297 (*)	1.134.869.526
943.512.073	1.485.189.795

Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng
Cộng

(*) Bao gồm:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cà Mau	84.833.904
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau	796.233.393
Cộng	881.067.297

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
8.261.585.586	5.215.327.275
7.656.354.559	5.150.066.275
-	32.000.000
13.511.000	-
56.515.000	-
155.270.000	-
379.935.027	-
-	33.261.000
697.276.236	697.276.236
613.341.000	613.341.000
(*)	(**)
61.570.014	61.570.014
3.000.000	3.000.000
(**)	(**)
19.365.222	19.365.222
(83.935.236)	(83.935.236)
8.874.926.586	5.828.668.275
Công	Công

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Chi cục đường thủy nội địa phía Nam

- Công ty TNHH Xây dựng Hồng Huệ

- Chi cục thủy lợi Bắc Liêu

- BQL Dự án công trình NN&PTNT

- BQLDABTXD h. An Minh

(P.KTHT h. An Minh)

- Công ty TNHH Nguyễn Phát

- Công ty cổ phần đầu tư Phú Cường Kiên Giang

b. Phải thu dài hạn của khách hàng

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

- Công ty TNHH XD & TM Bé Ta

- Công ty CP Quốc tế Jbichem Cà Mau

- Công ty TNHH Xây dựng Thò Hoàng Thanh

c. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(*) Là các khoản nợ phải thu khó đòi mà Công ty không có khả năng thu hồi.
 (**) Trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu dài hạn của khách hàng.

6. PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
414.089.967	414.089.967
(*)	(*)
114.860.000	84.260.000
-	73.000.000
-	7.741.000
528.949.967	579.090.967
Công	Công

Chi phí thực hiện Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam xuất toàn

Tạm ứng tiền

Chi tiền tết Dương lịch 2021

Tiền bảo lãnh hợp đồng

(*) Là khoản chi phí phát sinh đơn vị đã chi để thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho đơn vị do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Do đó, khoản chi phí đã chi sẽ không được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, nhóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
-	-
1.085.149.538	326.790.072
1.085.149.538	326.790.072
1.085.149.538	326.790.072

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
Công

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
202.346.817	83.984.847
-	-
202.346.817	83.984.847
202.346.817	83.984.847

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- Các khoản khác
Công

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND	VND
1.028.371.210	232.000.000	7.072.486.597	147.122.052	8.479.979.859
Tại ngày 01/01/2021	1.028.371.210	7.072.486.597	147.122.052	8.479.979.859
Tăng trong năm	-	474.567.328	229.261.940	703.829.268
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	1.028.371.210	7.547.053.925	376.383.992	9.183.809.127
GIÁ TRỊ HẠO MÔN LUY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	737.945.220	4.509.726.506	19.616.280	5.303.054.710
Khấu hao trong năm	85.995.147	1.040.634.940	26.175.292	1.199.205.379
Giảm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	823.940.367	5.550.361.446	45.791.572	6.502.260.089
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	290.425.990	2.562.760.091	127.505.772	3.176.925.149
Tại ngày 31/12/2021	204.430.843	1.996.692.479	330.592.420	2.681.549.038

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẠY HẠN

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
800.000.000	750.000.000
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-
144.116.447	52.000.000
-	-
1.746.116.447	8.658.000
1.746.116.447	8.658.000

Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất STT
Công ty CP Đầu tư TMDV Phú Gia
Lưu Kim Ngón
Dương Hùng Phương
DNTN Trường Thịnh
Công

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
77.295.926	77.295.926
22.500.000	22.500.000
366.111.000	672.456.000
465.906.926	772.251.926

Ban Quản lý dự án đường thủy nội địa
Công ty TNHH Đức Tâm Hiệp
Ban Quản lý dự án Xây dựng Công trình giao
thông Cà Mau
Cộng

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Số dư	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số dư
đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm
1.266.452.437	2.480.168.707	3.006.374.966	740.246.178
148.702.532	280.908.556	288.702.532	140.908.556
(196.451)	57.821.902	49.759.261	7.866.190
-	2.000.000	2.000.000	-
1.415.154.969	2.820.899.165	3.346.836.759	889.020.924

Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN
Thuế TNCN
Các loại thuế khác
Cộng

13. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

Số cuối năm	Số đầu năm
412.396.001	412.396.001
412.396.001 (*)	412.396.001

Các khoản phải trả, phải nộp khác
Cộng

(*) Là chi phí thực hiện Cục Đường thủy Nội địa xuất toán.

14. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

Khoản vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng cho vay hạn mức số : 256 – 2021 / HBCV – CMA – SME ngày 04/03/2021.
 • Hạn mức vay: 2.000.000.000 VND
 • Thời hạn vay: 12 tháng.
 • Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
 • Lãi suất: hiện đang áp dụng mức lãi suất ưu đãi 6,5%/ năm.
 • Tài sản thế chấp: thế chấp bằng tài sản cố định theo các hợp đồng thế chấp số 504-2017/HĐ-CMA-KHBL và số 256-2021/HĐTC-CMA-SME.
 Số dư nợ đến ngày 31/12/2021 là: 1.150.968.306 VND.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	107.561.526	718.525.178	7.969.716.704
Lợi nhuận trong năm	-	902.656.099	902.656.099
Phân phối quỹ	35.926.259	(35.926.259)	-
Trích lập quỹ	-	(179.631.294)	(179.631.294)
Chia cổ tức	-	(500.054.100)	(500.054.100)
Số dư tại ngày 01/01/2021	143.487.785	905.569.624	8.192.687.409
Lợi nhuận trong năm	-	1.112.911.572	1.112.911.572
Phân phối quỹ	45.132.805	(45.132.805)	-
Trích lập quỹ	-	(225.664.025)	(225.664.025)
Chia cổ tức	-	(631.859.269)	(631.859.269)
Số dư tại ngày 31/12/2021	7.143.630.000	1.115.825.097	8.448.075.687

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.
(*) Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ tương đương với 364.363 cổ phiếu.

Vốn điều lệ và thực góp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 2001187428 ngày 11/05/2017 (thay đổi lần 01), vốn điều lệ của Công ty là 7.143.630.000 VND. Đến ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Loại cổ phiếu	Vốn điều lệ	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông	3.643.630.000	7.143.630.000	7.143.630.000
Cổ phiếu ưu đãi	3.500.000.000	-	-
Công	7.143.630.000	7.143.630.000	7.143.630.000

(a) Đây là cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên làm việc lâu năm tại Công ty và được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo quy định.

(b) Chi tiết góp vốn

Cổ đông	31/12/2021	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	3.643.630.000	51,01
Công ty TNHH TM – Sản xuất S.T.T	400.000.000	5,60
Công ty CP SX Thiết bị điều khiển và bảo hiểm	300.000.000	4,20
Ông Mai Văn Toàn	296.350.000	4,15
Các cổ đông khác	2.503.650.000	35,05
Tổng cộng	7.143.630.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ BƯỞNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNHH (Tiếp theo)
 MẪU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.783.687,085	20.248.662,164
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.783.687,085	20.248.662,164

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.836.103,283	13.807.702,711
Cộng	17.836.103,283	13.807.702,711

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNHH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	47.940.003	29.662.236
Cộng	47.940.003	29.662.236

19. CHI PHÍ TẠI CHÍNHH

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả	14.413.502	19.698.145
Cộng	14.413.502	19.698.145

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.303.792,012	2.707.481,334
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Thuế, phí lệ phí	35.915,452	49.940,632
Chi phí khấu hao TSCĐ	127.620,314	150.994,911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.080,382,197	1.922.377,449
Chi phí bằng tiền khác	1.016.707,546	545.179,051
Cộng	5.564.417,521	5.375.973,377

221 Lý Thường Kiệt, nhóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ KHÁC

Năm nay	Năm trước
3.072.654	15.893.726
1.000.000	13.165.894
2.072.654	2.727.832
VND	VND
Năm nay	Năm trước

Nộp thuế, bảo hiểm, phát chậm nộp
Thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu
Cộng

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Năm nay	Năm trước
1.393.820.128	10.722.654
10.722.654	-
10.722.654	10.722.654
20%	10.722.654
1.404.542.782	1.404.542.782
280.908.556	280.908.556
280.908.556	280.908.556

Lợi nhuận trước thuế
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế
Trừ: Thu nhập không chịu thuế
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ
Thuế suất thông thường
Thu nhập chịu thuế TNDN
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên. Những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phần bỏ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Năm nay	Năm nay
1.112.911.572	1.112.911.572
-	-
-	-
1.112.911.572	1.112.911.572
1.112.911.572	1.112.911.572
714.363,00	714.363,00
1.557,91	1.557,91

Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN chưa phân bổ
Các khoản điều chỉnh tang
Các khoản điều chỉnh giảm
Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ CÁC BÊN CỎ LIÊN QUAN

Thu lao của Ban Giám đốc trong năm

Tiền lương, thưởng
Thu lao hội đồng quản trị, ban giám đốc
Tổng cộng

2021	2020
883.356.600	1.123.335.011
126.000.000	109.500.000
757.356.600	1.013.835.011
VND	VND
2021	2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN LÝ BẢO TRÌ BƯỞNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Bảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đến thời điểm phát hành báo cáo này cần phải điều chỉnh hoặc bổ trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN KHIẾT
Kế toán trưởng
NGUYỄN VĂN UT
Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2022

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐỪNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 884
Quyển số: 37
Ngày: 21-03-2022

Chủ tịch UBND Phường 6 - TP. Cà Mau



Trần Văn Chom